

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 08 - 6 - 2021

V/v Tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Hà.

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Phần

Bà Thái Thị Hồng Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:**

Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 12/2021/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ- ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hùng P, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 2, xã H1, huyện H, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 2, xã H1, huyện H, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1958 và bà Phạm Thị P, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 2, xã H1, huyện H, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh P, ông T và bà P: Bà Nguyễn Thị Thoa, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Cao Trí, Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

\* Người kháng cáo: Anh Nguyễn Hùng P, ông Nguyễn Thế T và bà Phạm Thị P.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Hùng P trình bày:*

Anh P và chị Nguyễn Thị X kết hôn ngày 14 tháng 12 năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện H, tỉnh Nghệ An; hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, không thể sống chung với nhau được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2010 và Nguyễn Khánh H, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2012; hiện nay, hai con chung đang ở với anh P. Nếu ly hôn, nguyện vọng của anh P được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:*

Về mối quan hệ hôn nhân, ngày, tháng, năm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như anh P trình bày. Chị X đồng ý ly hôn để giải phóng cho nhau.

Vợ chồng có hai con chung có họ, tên và ngày, tháng, năm sinh như anh P khai, ly hôn, nguyện vọng của chị X là được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Trường hợp pháp luật không cho phép thì mong muốn Tòa án xem xét cho nuôi một cháu để đảm bảo quyền làm mẹ.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng xây dựng được một ngôi nhà 02 tầng, chưa hoàn thiện, trị giá 700.000.000 đồng. Ngôi nhà được làm trên đất ông Nguyễn Thế T, bà Phạm Thị P (bố mẹ của anh P) do bố mẹ anh P đã nói cho đất từ năm 2013. Trong thời gian làm nhà, ông T và bà P có cho vợ chồng số tiền 170.000.000 đồng để làm. Quá trình làm nhà, chị đã vô phùng, vay mượn tiền từ thủ quỹ nhà trường để làm nhà và phục vụ nấu ăn cho thợ. Chị X yêu cầu chia đôi tài sản, chị được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị ngôi nhà là 350.000.000 đồng. Ngoài ra, chị X yêu cầu anh Nguyễn Hùng P phải trả số tiền 18.000.000 đồng để ổn định, tạo lập nơi ở mới sau khi ly hôn.

*Theo anh P:* Ngôi nhà 02 tầng giá trị thông nhất 700.000.000 đồng là do bố mẹ anh (ông T, bà P) xây dựng, vợ chồng không có đóng góp gì. Đối với yêu cầu của chị X về chia đôi giá trị nhà và yêu cầu hỗ trợ để khởi tạo nơi ở mới, anh không đồng ý vì bản thân anh là lao động tự do, thu nhập thấp.

*Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế T và bà Phạm Thị P trình bày:* Ngôi nhà xây dựng trên đất của ông T, bà P là do ông bà tự xây dựng, chị X không đóng góp gì vào việc xây dựng ngôi nhà nên không chấp nhận chia tài

sản chung. Tuy nhiên, ông T và bà P đồng ý cho chị X 50.000.000 đồng nếu chị X để lại hai đứa cháu cho ông bà nuôi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh P, chị X thống nhất giá trị ngôi nhà là 700.000.000 đồng; ông T, bà P đưa 300.000.000 đồng để xây dựng, còn lại 400.000.000 đồng do vợ chồng vay mượn để làm nhà.

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 61, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27, Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Nguyễn Hùng P ly hôn với chị Nguyễn Thị X.

- *Về con chung*: Giao con chung cháu Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị X; giao con chung cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2012 cho anh Nguyễn Hùng P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh P và chị X.

- *Về tài sản chung*: Buộc anh Nguyễn Hùng P, ông Nguyễn Thế T và bà Phạm Thị P phải trả cho chị Nguyễn Thị X số tiền 150.000.000 đồng; chia kỷ phần anh Nguyễn Hùng P, ông Nguyễn Thế T và bà Phạm Thị P mỗi người phải trả 50.000.000 đồng; buộc anh Nguyễn Hùng P phải trả cho chị Nguyễn Thị X số tiền hỗ trợ tạo lập nơi ở mới là 18.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ thi hành án, lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 01 năm 2021, anh Nguyễn Hùng P có đơn kháng cáo với nội dung: Về con chung, anh P xin được nuôi 02 cháu; về tài sản và trích chia tài sản, anh P không đồng ý phải đưa cho chị X số tiền 68.000.000 đồng, đề nghị Tòa phúc thẩm giải quyết. Kèm theo đơn kháng cáo, anh P nộp thêm các tài liệu về hóa đơn bán hàng (xi măng, sắt, thép, sơn) và quyền sở ghi nhật ký xây nhà.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, chị Nguyễn Thị X có đơn kháng cáo với nội dung: Về con chung, chị X xin được nuôi 02 cháu vì là phụ nữ lớn tuổi, anh P đang nuôi nhưng không chăm sóc, dạy dỗ để con đau ốm, nghỉ học. Về tài sản, chủ yếu là ngôi nhà xây trên diện tích đất ông T, bà P đã hứa cho vợ chồng, giá trị 700.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm phân chia như vậy là quá thiệt thòi, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xem xét, giải quyết. Kèm theo đơn kháng cáo, chị X nộp thêm các giấy chứng nhận phường, vay nợ, thợ xây dựng nhà.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, ông Nguyễn Thế T và bà Phạm Thị P có đơn kháng cáo không chấp nhận phần quyết định về tài sản. Ngôi nhà là tài sản do ông bà xây dựng trên đất của ông bà, đó không phải là tài sản chung, chị X vay tiền cùng anh P đóng góp xây dựng nhà là không có cơ sở. Ông T, bà P đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng giao ngôi nhà tranh chấp trên đất cho ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Hùng P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; những người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Anh P không đồng ý việc trả số tiền hỗ trợ tạo lập nơi ở mới 18.000.000 đồng cho chị X. Theo ông T trình bày, số tiền ông đưa cho anh P khi làm nhà là 300.000.000 đồng và 100.000.000 đồng vay của em trai anh P đưa cho anh P, tổng cộng là 400.000.000 đồng. Đây là ngôi nhà ông T và bà P xây dựng trên đất của ông bà để sử dụng nhưng Tòa án buộc ông bà trả tiền cho chị X là không đúng. Ngoài ra, ông T cũng đề nghị Tòa án giao hai con chung của anh P, chị X cho ông và bà P nuôi dưỡng sẽ bảo đảm các điều kiện sống cho hai cháu.

Người bảo vệ quyền, lợi ích cho anh P, ông T và bà P đề nghị: Trong việc dẫn đến ly hôn, chị X là người có lỗi vì đã có quan hệ tình cảm với người khác nên đề nghị Tòa án giao 02 con cho anh P được nuôi. Về tài sản chung, không có căn cứ để xác định ngôi nhà 02 tầng có giá trị 700.000.000 đồng cũng như không có căn cứ xác định đây là tài sản chung của anh P, chị X. Lời khai của chị X là không đúng, không khách quan, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định ngôi nhà là tài sản của ông T, bà P và giao cho họ được quyền sở hữu, không chấp nhận yêu cầu của chị X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Các đương sự, Luật sư đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 75, Điều 76 và Điều 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền tranh tụng của các đương sự được bảo đảm.

- Về thủ tục kháng cáo: Các đương sự kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Về con chung, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh P, chị X mỗi người nuôi một con chung là phù hợp, tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con trong khi không có ai yêu cầu là không đúng. Về tài sản chung, có căn cứ xác định ngôi nhà 02 tầng là tài sản chung của anh P, chị X. Trong đó, phần đóng góp của ông T, bà P là 300.000.000 đồng; phần của anh P, chị X là 400.000.000 đồng, mỗi người có có công sức ngang nhau,

tương ứng với giá trị 200.000.000 đồng. Do đó, cần giao cho ông T, bà P và anh P được sở hữu ngôi nhà 02 tầng xây dựng trên đất và buộc ông T, bà P và anh P phải trích trả cho chị X 200.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm không tuyên giao cho ông T, bà P và anh P được quyền sở hữu ngôi nhà; tuyên về phần án phí chia tài sản không đúng nên cần rút kinh nghiệm. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà P và anh P, chấp nhận kháng cáo của chị X, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cho ông T, bà P và anh P được sở hữu ngôi nhà 02 tầng xây dựng trên đất, sửa bản án sơ thẩm về án phí chia tài sản tương ứng với giá trị tài sản mỗi bên được hưởng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Xét nội dung vụ án, kháng cáo và các ý kiến, yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Anh Nguyễn Hùng P và chị Nguyễn Thị Xuân kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện H, tỉnh Nghệ An ngày 14 tháng 12 năm 2009. Quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh P đề nghị được ly hôn và chị X cũng đồng ý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu, cho anh P và chị X được ly hôn là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên đã có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Hùng P và chị Nguyễn Thị X có hai con chung là Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2010 và Nguyễn Khánh H, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2012; anh P và chị X kháng cáo và đều có nguyện vọng được nuôi hai con chung. Xét thấy, nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ sau ly hôn, việc giao con cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng cần căn cứ điều kiện của cha mẹ và quyền lợi mọi mặt của con cái. Anh P và chị X đều có điều kiện, khả năng và nguyện vọng được nuôi con, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và giao cháu Nguyễn Hoàng O (là cháu gái) cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Nguyễn Khánh H (là cháu trai) cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Sau khi ly hôn, anh P, chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và các bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, yêu cầu của anh P, chị X và ông T về việc giao con chung sau ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Hùng P và chị Nguyễn Thị X đều thống nhất ngôi nhà 02 tầng chưa hoàn thiện, xây dựng trên diện tích đất của ông Nguyễn Thế T và bà Phạm Thị P có giá trị 700.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh P, chị X không thống nhất về mức độ hoàn thiện của ngôi nhà do chị X đã về nhà ngoại ở từ khi anh P nộp đơn ly hôn, anh P không yêu cầu định giá lại nên cần xác định giá trị ngôi nhà các bên thỏa thuận tại phiên tòa sơ thẩm. Trong toàn bộ giá trị ngôi nhà, ông T đã đưa cho anh P số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ; ngoài ra, ông T còn khai đã đưa cho anh P 100.000.000 đồng vay của em trai anh P nhưng không có tài liệu chứng minh. Căn cứ lời khai của các đương sự về việc xây dựng ngôi nhà thì anh P là người lo nguyên vật liệu, ghi chép các chi phí, công thợ; chị X là người lo nấu cơm, chuẩn bị nước cho thợ còn khi đó thì ông T, bà P đang ở trang trại. Do đó, có căn cứ để xác định ngôi nhà 02 tầng có giá trị 700.000.000 đồng là tài sản chung của anh P, chị X, ông T và bà P. Do ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất của ông T, bà P và anh P ở chung với ông bà nên cần giao ngôi nhà cho anh P, ông T, bà P được quyền sở hữu và buộc họ phải trích thanh toán tiền giá trị chênh lệch cho chị Phương. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thì cần xác định giá trị ngôi nhà sau khi trừ đi số tiền 300.000.000 đồng ông T, bà P đã đóng góp là 400.000.000 đồng; anh P, chị X mỗi người được hưởng ngang nhau tương ứng với số tiền 200.000.000 đồng. Chị X được nhận lại của anh P, ông T và bà P số tiền 200.000.000 đồng; chia kỷ phần, anh P có trách nhiệm giao 70.000.000 đồng, ông T, bà P mỗi người 65.000.000 đồng.

[2.4] Đối với yêu cầu anh Nguyễn Hùng P không đồng ý việc trả số tiền 18.000.000 đồng hỗ trợ tạo lập nơi ở mới sau ly hôn cho chị X, xét thấy, do ngôi nhà được giao cho anh P, ông T, bà P cùng sử dụng và anh P đang ở chung với bố mẹ, chị X chưa có nơi ở, đang nuôi con nhỏ nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh P phải trả cho chị X số tiền 18.000.000 đồng hỗ trợ tạo lập nơi ở là có căn cứ và phù hợp.

Từ các phân tích và nhận định nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Hùng P, ông Nguyễn Thế T và bà Phạm Thị P; có căn cứ để một phần chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị X về việc phân chia tài sản, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng mức giá trị tài sản anh P, ông T và bà P phải trả cho chị X.

[3] Về án phí: Do có thay đổi về việc giá trị tài sản được hưởng nên cần sửa bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm anh Nguyễn Hùng P và chị Nguyễn Thị X phải chịu. Anh Nguyễn Hùng P kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm; chị Nguyễn Thị X kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm; ông Nguyễn Thế T, bà Phạm Thị P là người cao tuổi và đề nghị được miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí phúc thẩm; trả lại cho chị X, ông T và bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm (về quan hệ hôn nhân) không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Hùng P, ông Nguyễn Thế T và bà Phạm Thị P; chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị X, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng mức giá trị tài sản được chia và án phí sơ thẩm

2. Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 61, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27, Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Tố tụng dân sự năm 2015; tuyên xử:

- *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị X; giao con chung Nguyễn Khánh H, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2012 cho anh Nguyễn Hùng P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*:

+ Giao cho anh Nguyễn Hùng P, ông Nguyễn Thế T và bà Phạm Thị P được quyền sở hữu một ngôi nhà 02 tầng trị giá 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) được xây dựng trên đất ông Nguyễn Thế T, bà Phạm Thị P; buộc anh Nguyễn Hùng P, ông Nguyễn Thế T và bà Phạm Thị P phải có trách nhiệm trích giao trả cho chị Nguyễn Thị X số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), chia kỷ phần, buộc anh P phải trích giao cho chị X số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), buộc ông T, bà Phong mỗi người phải trích giao cho chị X 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

+ Buộc anh Nguyễn Hùng P phải trả cho chị Nguyễn Thị X số tiền hỗ trợ tạo lập nơi ở mới là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

+ Chị Nguyễn Thị X được nhận 88.000.000 đồng (Tám mươi tám triệu đồng) do anh P giao và 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) do ông T, bà P giao.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân

sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về án phí sơ thẩm:

+ Buộc anh Nguyễn Hùng P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002128 ngày 16 tháng 7 năm 2020; buộc anh Nguyễn Hùng P phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) án phí sơ thẩm đối với giá trị tài sản được chia.

+ Buộc chị Nguyễn Thị X phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) án phí sơ thẩm đối với giá trị tài sản được chia nhưng được khấu trừ 8.750.000 đồng (Tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002268 ngày 27 tháng 8 năm 2020; chị X còn phải nộp 1.250.000 đồng (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho ông Nguyễn Thế T và bà Phạm Thị P.

- Về án phí phúc thẩm: Buộc anh Nguyễn Hùng P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002236 ngày 24 tháng 02 năm 2021; chị Nguyễn Thị X không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại cho chị X 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002237 ngày 24 tháng 02 năm 2021; miễn toàn bộ án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Thế T và bà Phạm Thị P, trả lại cho ông T, bà P mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002271 và AA/2019/0002272 ngày 11 tháng 3 năm 2021.



4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Hưng Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Hưng Nguyên;
- UBND xã H1;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Hà**